

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định trình tự, thủ tục đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện
theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức công tư;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là BOT) trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này gồm các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện theo hình thức hợp đồng BOT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hợp đồng BOT* là hợp đồng được ký giữa Bộ Công Thương và chủ đầu tư BOT để xây dựng nhà máy nhiệt điện trên lãnh thổ Việt Nam; sau khi hoàn thành nhà máy, chủ đầu tư được quyền kinh doanh nhà máy trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, chủ đầu tư chuyển giao cho Bộ Công Thương.

2. *Dự án BOT nhà máy nhiệt điện* (sau đây gọi tắt là Dự án BOT NMNĐ) là dự án nhà máy nhiệt điện đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT.

3. *Nhà đầu tư BOT* là các tổ chức, cá nhân có văn bản chính thức bày tỏ sự quan tâm, tham gia góp vốn phát triển dự án nhà máy nhiệt điện đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT.

4. *Chủ đầu tư BOT* là nhà đầu tư BOT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao phát triển Dự án BOT NMNĐ.

5. *Doanh nghiệp BOT* là doanh nghiệp do Chủ đầu tư BOT thành lập để thực hiện Dự án BOT NMNĐ.

6. *Nhà thầu EPC* là nhà thầu thực hiện gói thầu thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp Dự án BOT NMNĐ.

7. *Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia* (sau đây gọi tắt là QHĐLQG) là quy hoạch chuyên ngành điện lực đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

8. *Biên bản ghi nhớ phát triển Dự án BOT NMNĐ* (sau đây gọi tắt là MOU) là biên bản được ký kết giữa Chủ đầu tư BOT và Bộ Công Thương.

9. *Báo cáo nghiên cứu khả thi* (sau đây gọi tắt là FS) là tài liệu trình bày các nội dung nghiên cứu về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của Dự án BOT NMNĐ.

10. *Hợp đồng nguyên tắc* (sau đây gọi tắt là PA) là thỏa thuận được ký kết giữa Tổng cục Năng lượng và Chủ đầu tư BOT.

11. *Hợp đồng mua bán điện* (sau đây gọi tắt là PPA) là hợp đồng được ký kết giữa Doanh nghiệp BOT và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

12. *Hợp đồng thuê đất* (sau đây gọi tắt là LLA) là hợp đồng được ký kết giữa Doanh nghiệp BOT và cơ quan có thẩm quyền tại địa phương nơi có Dự án BOT NMNĐ.

13. *Hợp đồng cung cấp than* (sau đây gọi tắt là CSA) là hợp đồng được ký kết giữa Doanh nghiệp BOT và Nhà cung cấp than.

14. *Hợp đồng vận chuyển than* (sau đây gọi tắt là CTA) là hợp đồng được ký kết giữa Doanh nghiệp BOT và Nhà vận chuyển than.

15. *Hợp đồng cung cấp khí* (sau đây gọi tắt là GSA) là hợp đồng được ký kết giữa Doanh nghiệp BOT và Nhà cung cấp khí.

Chương II

LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ BOT

VÀ TỔ CHỨC ĐÀM PHÁN CÁC TÀI LIỆU DỰ ÁN

Mục 1

LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ BOT

Điều 3. Việc lựa chọn Chủ đầu tư BOT được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Đấu thầu quốc tế áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Các dự án thuộc danh mục của QHĐLQG được Thủ tướng Chính phủ quy định phải đấu thầu quốc tế.
2. Các dự án thuộc danh mục của QHĐLQG chưa xác định chủ đầu tư, có từ hai Nhà đầu tư BOT trở lên đăng ký tham gia sẽ do Thủ tướng Chính phủ quyết định hình thức lựa chọn Chủ đầu tư BOT.

Điều 5. Chỉ định Chủ đầu tư BOT áp dụng cho các trường hợp sau:

1. Các dự án thuộc danh mục của QHĐLQG được Thủ tướng Chính phủ chỉ định Chủ đầu tư BOT.
2. Dự án thuộc danh mục của QHĐLQG chỉ có một Nhà đầu tư BOT đăng ký tham gia và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương chỉ định Chủ đầu tư BOT.
3. Dự án do Nhà đầu tư BOT đề xuất, không thuộc danh mục của QHĐLQG và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mục 2

TỔ CHỨC ĐÀM PHÁN CÁC TÀI LIỆU DỰ ÁN

Điều 6. Biên bản ghi nhớ và kế hoạch triển khai dự án

1. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ có văn bản giao Chủ đầu tư BOT phát triển Dự án BOT NMNĐ, Tổng cục Năng lượng gửi dự thảo MOU và hướng dẫn Chủ đầu tư BOT chuẩn bị đàm phán, ký kết MOU. Nội dung MOU bao gồm:

- a) Cơ sở pháp lý;
- b) Mô tả chung về Dự án BOT NMNĐ;
- c) Vai trò, trách nhiệm của Chủ đầu tư BOT;
- d) Vai trò, trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- đ) Tiến độ tổng thể phát triển Dự án BOT NMNĐ;
- e) Thời hạn hiệu lực của MOU;
- g) Trách nhiệm của Chủ đầu tư BOT đối với chi phí phát triển dự án; thanh toán chi phí lập FS, chi phí thẩm định FS dự án; chi phí thuê Tư vấn pháp lý hỗ trợ phía Việt Nam trong quá trình đàm phán và triển khai dự án.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận được dự thảo MOU, Chủ đầu tư BOT phải có ý kiến về dự thảo và kế hoạch đàm phán MOU.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chính thức bằng văn bản của Chủ đầu tư BOT, Tổng cục Năng lượng tổ chức đàm phán MOU. Quá trình đàm phán MOU không được kéo dài quá 30 ngày.

Sau khi thống nhất các nội dung của MOU, Tổng cục Năng lượng trình Bộ trưởng Bộ Công Thương thông qua để tổ chức lễ ký MOU.

4. Việc ký kết MOU được thực hiện giữa đại diện Bộ Công Thương với đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư.

5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký MOU, Chủ đầu tư BOT phải lập kế hoạch chi tiết triển khai dự án gửi Tổng cục Năng lượng để xem xét, thống nhất.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch chi tiết, Tổng cục Năng lượng có ý kiến trả lời bằng văn bản.

7. Nội dung kế hoạch chi tiết triển khai dự án bao gồm:

a) Lập và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực (nếu có): Ngày trình Quy hoạch; ngày phê duyệt Quy hoạch;

b) Lập và phê duyệt FS, bao gồm: Ngày trình FS; ngày phê duyệt FS;

c) Kế hoạch đàm phán Hợp đồng BOT và các tài liệu liên quan, bao gồm: ngày đàm phán PA; ngày ký PA; ngày dự kiến bắt đầu đàm phán vòng 1; ngày dự kiến kết thúc đàm phán vòng 1; ngày dự kiến bắt đầu đàm phán vòng 2; ngày dự kiến kết thúc đàm phán vòng 2; lịch trình đàm phán các tài liệu liên quan: PPA, LLA, Hợp đồng gói thầu thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp dự án và các hợp đồng cung cấp nhiên liệu; ngày ký kết thỏa thuận đầu tư; ngày nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; ngày ký chính thức các tài liệu Hợp đồng BOT;

d) Ngày đóng tài chính;

đ) Khởi công và xây dựng, bao gồm: Ngày khởi công chính thức dự án; ngày vận hành thương mại từng tổ máy; ngày vận hành thương mại toàn bộ nhà máy.

Điều 7. Lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực

1. Việc lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực (sau đây gọi tắt là Quy hoạch TTĐL) được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 11 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch TTĐL.

2. Chi phí lập, thẩm tra, thẩm định Quy hoạch TTĐL được bố trí từ nguồn vốn hỗ trợ chuẩn bị đầu tư dự án.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày ký MOU, Chủ đầu tư BOT phải trình Tổng cục Năng lượng Hồ sơ FS dự án kèm theo ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án.

Hồ sơ FS dự án phải được lập bởi đơn vị Tư vấn chuyên ngành điện có giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực tư vấn nhà máy nhiệt điện, có kinh nghiệm lập FS dự án nhà máy nhiệt điện với quy mô tương đương trở lên.

2. Nội dung của Hồ sơ FS dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các văn bản pháp lý liên quan.

3. Trình tự thẩm định FS dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các văn bản pháp lý liên quan.

4. Bộ Công Thương chỉ phê duyệt Hồ sơ FS khi đã nhận được Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chi phí lập, thẩm tra và thẩm định Hồ sơ FS do Chủ đầu tư BOT chi trả.

Điều 9. Tư vấn pháp lý hỗ trợ Bộ Công Thương đàm phán các tài liệu dự án

1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký MOU, Tổng cục Năng lượng đề xuất phương thức lựa chọn Tư vấn pháp lý hỗ trợ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Trách nhiệm của Tư vấn pháp lý:

a) Hỗ trợ Bộ Công Thương dự thảo và đàm phán chi tiết Hợp đồng BOT, Bảo lãnh Chính phủ (sau đây gọi tắt là GGU), Xác nhận và Chấp thuận của Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là MOIT's A&C);

b) Hoàn thiện bộ Hợp đồng dự án (gồm: Hợp đồng BOT, GGU, A&C, PPA, LLA và CSA hoặc GSA) đảm bảo tính pháp lý, tính chính xác và đồng bộ về nội dung, câu chữ sẵn sàng cho việc ký kết;

c) Các công việc khác được quy định trong Hợp đồng tư vấn.

3. Tổng cục Năng lượng tiến hành lựa chọn Tư vấn pháp lý và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt cùng với dự toán chi phí cho Tư vấn pháp lý hỗ trợ đàm phán.

4. Chi phí thuê Tư vấn pháp lý hỗ trợ Bộ Công Thương đàm phán các tài liệu dự án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước. Trường hợp nguồn ngân sách Nhà nước chưa bố trí kịp, Bộ Công Thương và Chủ đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận về nguồn chi phí thuê Tư vấn pháp lý để đảm bảo tiến độ phát triển dự án.

Điều 10. Nhóm công tác liên ngành

1. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày ký MOU, Tổng cục Năng lượng trình Bộ Công Thương thành lập Nhóm công tác liên ngành.

2. Thành phần của Nhóm công tác liên ngành bao gồm:

a) Trưởng nhóm và một số thành viên của Bộ Công Thương;